Vietnam Journal of Community Medicine, Vol 63, No 4 (2022) 165-171

ACTUAL SITUATION OF ALCOHOL/BEER USE AMONG STUDENTS OF HANOI MEDICAL UNIVERSITY DURING THE QUARANTINE PERIOD DUE TO THE IMPACT OF THE COVID-19 PANDEMIC

Tran Thi Diem Quynh*, Ngo Tri Tuan, Tran Ngoc Anh, Doan Thi Cam Anh, Bui Thi Tuyet Trinh, Ha Thi Hang, Le Minh Dat, Le Xuan Hung

Institute for Preventive medicine and public health, Hanoi Medical University - No.1 Ton That Tung, Dong Da, Hanoi, Vietnam

Received 23/12/2021
Revised 24/03/2022; Accepted 20/05/2022

ABSTRACT

Objectives: Describe the current situation of alcohol/beer use by students of Hanoi Medical University during the period of social distancing due to the impact of the Covid-19 pandemic in 2021.

Research subject and method: Cross-sectional descriptive study, using kobotoolbox software to collect and analyze data through Stata 16.

Result: For students of Hanoi Medical University, the percentage of currently drinking alcohol/ beer in men is 33.78% and for females is 7.79%. According to the AUDIT scale, the level of risk in men is 10.8% and in women, this rate is 3.9%. In terms of the logistic regression model, students of Traditional Medicine (OR=5.11; 95%CI=1.49-17.51) and Advanced Practice Nursing (OR=27.80; 95%CI=1),81-426,25) have a higher risk of 5.11 and 27.8 times compared to General Medicine students.

Conclusion: For male students, the frequency of alcohol use is monthly or less, while the majority of female students have never drunk. When assessing the level of risk, the majority of medical students are at low levels and few at harmful levels. In addition, women have a lower risk of alcohol/beer use than men. In terms of majors, students majoring in Traditional Medicine and Nursing have a higher level of alcohol/beer use than General Medicine students.

Keywords: Medical students, status of alcohol use, COVID-19 pandemic quarantine time.

*Corressponding author
Email address: diemquynh1462001@gmail.com
Phone number: (+84) 966 239 603
https://doi.org/10.52163/yhc.v63i4.383

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG RƯỢU/BIA CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI TRONG THỜI GIAN GIÃN CÁCH DO ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19

Trần Thị Diễm Quỳnh*, Ngô Trí Tuấn, Trần Ngọc Ánh, Đoàn Thị Cẩm Anh, Bùi Thị Tuyết Trinh, Hà Thị Hằng, Lê Minh Đạt, Lê Xuân Hưng

Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế Công cộng, Đại học Y Hà Nội - Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 23 tháng 12 năm 2021
Chỉnh sửa ngày: 24 tháng 03 năm 2022; Ngày duyệt đăng: 20 tháng 05 năm 2022

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng sử dụng rượu/bia của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội trong thời gian giãn cách do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 năm 2021.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, sử dụng phần mềm kobotoolbox thu thập số liệu và phân tích qua Stata 16.

Kết quả: Đối với sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội, tỷ lệ hiện đang uống rượu/bia ở nam là 33,78% và nữ là 7,79%. Theo thang đo AUDIT, mức nguy cơ ở nam là 10.8% và ở nữ tỷ lệ này là 3.9%. Xét về mô hình hồi quy logistic, sinh viên Y học cổ truyền (OR=5,11; 95%CI=1,49-17,51) và Điều dưỡng tiến tiến (OR=27,80; 95%CI=1,81-426,25) có mức nguy cơ cao gấp 5.11 và 27,8 lần so với sinh viên hệ Y khoa.

Kết luận: Ở nam sinh viên tần suất sử dụng rượu bia là ở mức hàng tháng hoặc ít hơn, còn ở nữ thì đa phần chưa bao giờ uống. Khi đánh giá về mức nguy cơ, phần lớn sinh viên Y đều ở mức thấp và ít ở mức có hại. Ngoài ra, ở nữ có mức nguy cơ sử dụng rượu/bia thấp hơn nam. Xét về chuyên ngành các sinh viên ngành ngành Y học Cổ truyền và Điều Dưỡng có mức độ sử dụng rượu/bia cao hơn so với sinh viên Y khoa.

Từ khóa: Sinh viên Đại học Y Hà Nội, thực trạng sử dụng rượu/bia, thời gian giãn cách đại dịch COVID-19.

*Tác giả liên hệ
Email: diemquynh1462001@gmail.com
Điện thoại: (+84) 966 239 603
https://doi.org/10.52163/yhc.v63i4.383

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn hóa sử dụng rượu/bia đã có từ lâu đời và gắn với phong tục, tập quán nhiều nơi trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) năm 2016 thì mức độ tiêu thụ rượu/bia ở đối tượng trên 15 tuổi tại Việt Nam là 8.3l/người. Nếu tính riêng nam giới trên 15 tuổi có sử dụng rượu/bia thì trung bình một nam giới Việt Nam tiêu thụ 27.4 lít cồn nguyên chất vào năm 2010, xếp thứ hai trong các nước Đông Nam Á và đứng thứ 29 trên thế giới. Việt Nam còn là nước tiêu thụ bia cao nhất Đông Nam Á và thứ 3 châu Á sau Nhật Bản, Trung Quốc [1]. Theo thống kê của Cục Y tế dự phòng – Bộ Y tế, mức độ tiêu thụ rượu/bia của người Việt Nam trong 10 năm trở lại đây đã tăng gấp 2 lần [2]. Thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 18-25 tuổi là lứa tuổi có nhiều sự thay đổi về thể chất và tâm hồn, muốn chứng tỏ bản thân, thể hiện với bạn bè, kiến thức xã hội còn thiếu do đó dễ bị sa ngã, ảnh hưởng bởi hành vi xấu, trong đó có việc sử dụng rượu/bia. Theo một nghiên cứu năm 2008 về tỉ lệ sử dụng rượu/bia ở thanh thiếu niên trong độ tuổi 18-25 tuổi đã cho thấy 80% nam và 36.5% nữ có sử dụng rượu/bia, sau 5 năm tỉ lệ này đã tăng thêm 10% ở nam và 8% ở nữ, điều đáng lo ngại là có tới 60.5% nam và 22% nữ cho biết họ đã từng uống say [1].

Đáng chú ý là tỷ lệ sử dụng rượu/bia ở tuổi thanh thiếu niên, đặc biệt là sinh viên các trường đại học, cao đẳng chiếm khá cao và có xu hướng ngày càng ra tăng. Một khảo sát khác thực hiện trên 300 sinh viên đến từ các trường đại học tại TPHCM (5/2021) về việc sử dụng, mức uống, tửu lượng và cách đến với rượu/bia của sinh viên cho kết quả nghiên cứu chỉ ra có tới 85.3% sinh viên cho biết đã từng uống rượu/bia. Đặc biệt, tỷ lệ nữ sinh viên từng hoặc vẫn còn đang sử dụng rượu/bia là 68.5%, dù nam sinh viên có tỷ lệ sử dụng rượu/bia cao hơn nữ [3]. Ở độ tuổi sinh viên Y thì đây là giai đoạn học tập quan trọng trước ngưỡng cửa gia nhập xã hội, quyết định đội ngũ nhân lực y tế tương lai cho đất nước và cho bản thân mỗi sinh viên nên càng phải quan tâm, kiểm soát việc sử dụng rượu/bia một cách chặt chẽ hơn nữa. Tuy nhiên, đa số các nghiên cứu về tỷ lệ sử dụng rượu/bia ở sinh viên gần đây chưa đánh giá được mức độ sử dụng một cách tối ưu nhất, nhất là trong thời điểm dịch bệnh COVID-19 như hiện nay.

Là trường đại học hàng đầu thuộc khối ngành sức khỏe, với bề dày lịch sử hơn 100 năm, sinh viên Trường ĐH Y Hà Nội được trang bị đầy đủ từ những kiến thức chuyên môn, các kĩ năng cần thiết cho công việc, giáo dục hành vi từ rất sớm. Trước thực trạng sử dụng rượu/bia ở tầng lớp sinh viên ngày càng có xu hướng gia tăng nhất là trong thời gian giãn cách do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, tại Trường Đại học Y Hà Nội hiện chưa có nghiên cứu nào về vấn đề này. Vì vậy, chúng tôi thực hiện đề tài **"Nghiên cứu thực trạng sử dụng rượu/bia của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội trong thời gian giãn cách do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 năm 2021"** với mục tiêu sau:

1. Mô tả thực trạng sử dụng rượu/bia của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội trong thời gian giãn cách do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 năm 2021.

2. Phân tích một số yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng rượu/bia của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội trong thời gian giãn cách do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 năm 2021.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên từ Y1 - Y6 đang học tại Trường Đại học Y Hà Nội (ĐHYHN)

- Các sinh viên này đồng ý tham gia nghiên cứu và điền bộ câu hỏi online sau khi được giải thích lí do và mục đích của nghiên cứu.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học Y Hà Nội

Thời gian thu thập số liệu 1 tháng từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đếm ngày 31 tháng 10 năm 2021.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho một tỷ lệ trong quần thể:

$$n = \frac{z^2_{1-\frac{\alpha}{2}} X\ (1-P)}{\varepsilon^2 X\ P} = 302$$

Trong đó: n: Cỡ mẫu tối thiểu cần thiết; $Z_{1-\alpha/2}$: Hệ số tin cậy mức 95%, tương ứng là 1,96; P= 0,56 (Tỷ lệ người sử dụng rượu/bia trong nghiên cứu của Hyo Hyun Yoo [7]. Độ sai số tương đối ε = 0.1

Cỡ mẫu tối thiểu được tính là 302

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện

2.5. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

Sử dụng thang đo AUDIT về tình trạng sử dụng rượu/bia

Phương pháp thu thập số liệu: Phần mềm kobotoolbox

2.6. Quản lý, xử lý và phân tích số liệu

Số liệu sau khi được làm sạch, sẽ được nhập vào máy tính và quản lý bằng phần mềm Stata 16.

Trong quá trình xử lý, các số liệu bị thiếu, vô lý, ngoại lai sẽ được kiểm tra và khắc phục.

Các thống kê mô tả sẽ được thực hiện thông qua việc tính toán giá trị trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn cho các biến định lượng và tỷ số, tỷ lệ cho các biến định tính.

Phân tích được thực hiện thông qua các test thống kê thích hợp.

Mức ý nghĩa thống kê $\propto = 0.05$ được áp dụng.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Việc tiến hành nghiên cứu có xin phép và được sự đồng ý của Ban giám hiệu, phòng Đào tạo đại học, phòng quản lý nghiên cứu khoa học nhà trường.

Trước khi tham gia nghiên cứu tất cả các đối tượng sẽ được cung cấp thông tin rõ ràng liên quan đến mục tiêu và nội dung nghiên cứu. Đối tượng được thông báo là tự nguyện quyết định tham gia vào nghiên cứu hay không.

Các thông tin thu thập được từ các đối tượng chỉ nhằm mục đích phục vụ cho nghiên cứu, hoàn toàn được giữ bí mật.

3. KẾT QUẢ

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n=302)

Thông tin nhân khẩu học	Nhóm cụ thể	Số lượng	%
Giới	Nam	148	49,01
	Nữ	154	50,99
Năm học	Năm nhất	20	6,62
	Năm hai	30	9,93
	Năm ba	86	28,48
	Năm bốn	59	19,54
	Năm năm	77	25,50
	Năm sáu	30	9,93
Chuyên ngành	Y Khoa	109	36,09
	Răng hàm mặt	23	7,62
	Y học cổ truyền	92	30,46
	Y học dự phòng	16	5,30
	Điều dưỡng	13	4,30
	Điều dưỡng tiên tiến	6	1,99
	Khúc xạ nhãn khoa	9	2,98
	Y tế công cộng	7	2,32
	Dinh dưỡng	8	2,65
	Xét nghiệm y học	19	6,29

Thông tin nhân khẩu học	Nhóm cụ thể	Số lượng	%
Nơi ở	Ký túc xá	86	28,48
	Ở trọ	105	34,77
	Ở nhà	97	32,12
	Khác	14	2,17
Tổng		**302**	**100**

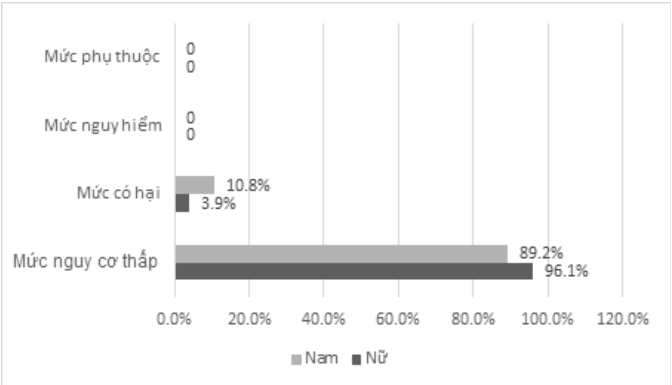
Bảng 1 cho ta thấy, tỷ lệ đối tượng tham gia vào nghiên cứu phân theo giới tính là tương đối đồng đều: nam giới chiếm 49,01% và nữ giới chiếm 71,74%. Trong đó số sinh viên năm ba chiếm tỷ lệ cao nhất (28,48%), tiếp đến là sinh viên năm thứ năm (25,50%) và năm thứ tư (19,54%). Phần lớn là các sinh viên y khoa (36,09%), Y học cổ truyền 30,46%, đa số các sinh viên hiện đang ở trọ (34,77%) hoặc ở ký túc xá (28,48%).

Bảng 2. Thực trạng uống rượu/bia của đối tượng nghiên cứu (N = 302)

Giới Đặc điểm	Cả 2 giới		Nam		Nữ		p – value (chi square *hoặc fisher exact test**)
	n	%	n	%	n	%	
Thực trạng uống rượu/bia							
Hiện tại đang uống	62	20,53	50	33,78	12	7,79	**<0,01***
Đã từng uống	163	53,97	80	54,05	83	63,90	
Chưa từng uống	77	25,50	18	12,16	59	38,31	
Tần suất uống rượu/bia							
Chưa bao giờ	122	40,40	36	24,32	86	55,84	**<0,01****
Hàng tháng hoặc ít hơn	163	53,97	103	69,59	60	38,96	
2-4 lần một tháng	16	5,30	8	5,41	8	5,19	
2-3 lần một tuần	1	0,33	1	0,68	0	0	

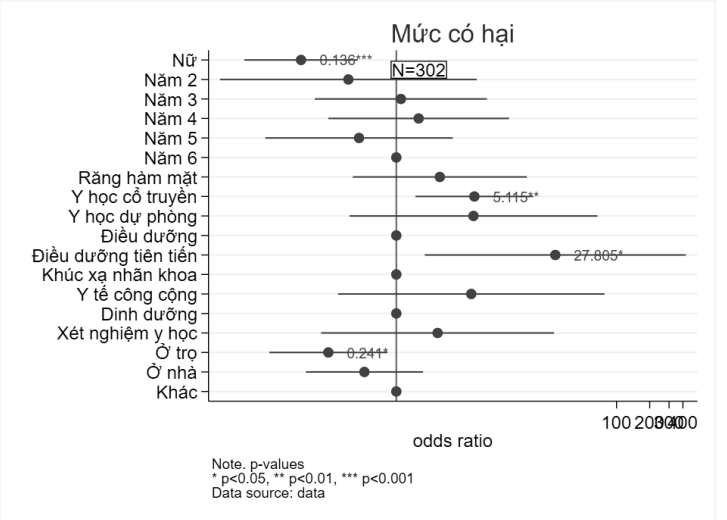
Bảng 2 cho thấy thực trạng uống rượu/bia của đối tượng nghiên cứu theo giới, tỷ lệ hiện đang uống rượu/bia ở nam giới là 33,78% và nữ giới là 7,79%; sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với p<0,01. Nam giới chủ yếu uống rượu/bia với tần suất hàng tháng hoặc ít hơn (69,59%); nữ giới đa số chưa bao giờ uống rượu/bia (5,84%).

Biểu đồ 1. Phân loại mức độ nguy cơ theo giới tính (Thang đo AUDIT N = 302)



Biểu đồ 1 cho thấy mức độ nguy cơ theo thang đo AUDIT, phần lớn sinh viên Y đều ở mức nguy cơ thấp, chỉ có một số ít ở mức có hại (Nam 10,8%; Nữ 3,9%)

Biểu đồ 2: Mô hình hồi quy logistic giữa uống rượu/bia mức có hại ở sinh viên Y và các yếu tố liên quan



Biểu đồ 2 cho thấy nữ giới có mức nguy cơ thấp hơn Nam giới (OR=0,136; 95%CI=0,04-0,44), sinh viên Y học cổ truyền (OR=5,11; 95%CI=1,49-17,51) và Điều dưỡng tiến tiến (OR=27,80; 95%CI=1,81-426,25) có mức nguy cơ cao hơn so với sinh viên hệ Y khoa.

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ sinh viên Y hiện đang uống rượu/bia là 74.50%, kết quả này thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Ameet Arvind Shah và cộng sự khi tỷ lệ này là 86% [4] nhưng lại cao hơn trong nghiên cứu của Michael Trostler là 58.1% [5]. Có thể thấy rằng có sự khác biệt về độ tuổi và đối tượng nghiên cứu, trong khi chúng tôi điều tra sinh viên Y khoa từ năm nhất tới năm thứ 6 thì nghiên cứu của Ameet Arvind Shah tập trung vào nhóm từ 20 đến 48 tuổi, Michael Trostler nghiên cứu trên nhóm đối tượng sinh viên Y từ 18-25 tuổi và nhóm sinh viên Y có độ tuổi lớn hơn, độ tuổi nghiên cứu rộng hơn dẫn đến tỷ lệ uống rượu/bia sẽ cao hơn.

Trong luận văn Thạc sĩ Y tế công cộng nghiên cứu trên đối tượng sinh viên Y của Trường Cao đẳng Y dược Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 đã chỉ ra rằng giới tính chắc chắn có liên quan với tỷ lệ sử dụng rượu/bia ở sinh viên. Cụ thể là tỷ lệ nam giới sử dụng rượu/bia cao gần 7 lần so với nữ giới [6]. Ở nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy rằng tỷ lệ hiện đang uống rượu/bia ở nam giới cao hơn nữ giới và cao gấp hơn 4 lần (Nam: 33,78%, Nữ: 7,79%), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (p<0,01). Đây có thể là hậu quả của những quan điểm lệch lạc về hành vi sử dụng rượu/bia, uống như một phần của giao tiếp, tạo thuận lợi cho mối quan hệ xã hội hay sử dụng rượu/bia để giải tỏa cảm xúc của cá nhân, chứng tỏ bản lĩnh hay mặc định con trai phải biết uống rượu/bia trong xã hội Việt Nam hiện nay.

Ngoài ra, nghiên cứu của chúng tôi có 12,16% nam và 38,31% nữ không uống rượu. Con số này theo nghiên cứu của Hyo Hyun Yoo và các cộng sự ở 5 trường cao đẳng y tế ở Hàn Quốc lần lượt là là 9,3% nam và 10,4% nữ [7]. Sự khác biệt này là do ảnh hưởng của văn hoá, phong tục tập quán và môi trường sống.

Về tần suất sử dụng rượu/bia tỷ lệ sinh viên *uống rượu/bia* hàng tháng hoặc ít hơn chiếm tỉ lệ cao nhất (53,97%), *2-3 lần một tuần* chiếm tỉ lệ thấp nhất (0,33%) chênh lệch nhiều so với kết quả nghiên cứu của Ameet Arvind Shah và cộng sự, trong khi tỉ lệ chiếm nhiều nhất là *uống 2-4 lần một tháng* chiếm (42,7%) và *uống 2-4 lần một tuần* (23,4%)[4]. Tuy nhiên, lại tương đương với kết quả của nghiên cứu trên đối tượng sinh viên Y tại Trường Cao đẳng Y dược Hồng Đức, TPHCM năm 2020 là *tần suất uống rượu/bia phần lớn là ít hơn 1 lần trong 1 tháng* chiếm tỉ lệ cao nhất 79,5%, tiếp đến là

2-4 lần 1 tháng chiếm 18,6%, sinh viên sử dụng rượu/bia *2-3 lần 1 tuần* và ít nhất 4 lần 1 tuần chiếm tỷ lệ khá thấp [6].

Tình trạng uống rượu bia ở mức quá độ đang trở thành mối nguy cơ đối với các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, tuy nhiên trong nghiên cứu này, tỷ lệ uống rượu/bia theo thang đo AUDIT cho thấy đa phần sinh viên Y uống rượu/bia ở mức nguy cơ thấp, chiếm 92,72% (Nam: 89,2%, Nữ: 96,1%), chỉ có 7,28% uống rượu ở mức nguy cơ có hại (Nam: 10,8%, Nữ: 3,9%). Kết quả này trái ngược so với nghiên cứu của Hyo Hyun Yoo và các cộng sự là nhóm có nguy cơ thấp chiếm 54,5% (Nam: 45,8%, Nữ: 65,3%), nhóm có nguy có trung bình là 31,9% (Nam: 35,8%, Nữ: 27,1%) và nhóm có nguy cơ cao là 13,6% (Nam: 18,6%, Nữ: 7,6%) [7]. Sự khác biệt này có thể giải thích là do sự khác biệt về đối tượng, địa điểm nghiên cứu, thời điểm nghiên cứu, trong khi chúng tôi thu được số liệu cắt ngang trên đối tượng sinh viên Y ở một trường ở Việt Nam trong đại dịch COVID-19, thì Hyo Hyun Yoo và các cộng sự nghiên cứu trên đối tượng SINH VIÊN các trường cao đẳng Y ở Hàn Quốc.

Bên cạnh đó, trong nghiên cứu của chúng tôi còn phát hiện được yếu tố giới tính và ngành học có liên quan đến việc nguy cơ sử dụng rượu/bia của sinh viên Y. Cụ thể, nữ giới có mức nguy cơ thấp hơn nam giới (OR=0,136; 95%CI=0,04-0,44), Điều dưỡng tiến tiến (OR=27,80; 95%CI=1,81-426,25) có mức nguy cơ cao hơn so với sinh viên hệ Y khoa. Từ kết quả cho thấy, cần xây dựng các chương trình can thiệp vào từng chuyên ngành, giới nhằm giúp các đối tượng tránh chuyển sang uống rượu/bia mức nguy hiểm hay lệ thuộc.

5. KẾT LUẬN

5.1. Hành vi sử dụng rượu/bia của sinh viên Y

Tỷ lệ hiện đang uống rượu/bia ở Nam giới là 33,78% với tần suất hàng tháng hoặc ít hơn (69,59%) và ở Nữ giới là 7,79% với đa số là chưa bao giờ uống rượu/bia (5,84%). Đánh giá mức độ nguy cơ theo thang đo AUDIT, phần lớn sinh viên Y đều ở mức nguy cơ thấp, chỉ có một số ít ở mức có hại (Nam 10,8%; Nữ 3,9%).

5.2. Một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng rượu/bia của sinh viên y

Sinh viên Y Khoa nữ có mức nguy cơ sử dụng rượu/bia thấp hơn nam sinh viên Y, và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (OR=0,136; 95%CI=0,04-0,44).

Sinh viên chuyên ngành Y học Cổ truyền và Điều dưỡng có mức độ sử dụng rượu/bia lần lượt cao gấp 5.11 và 27,8 lần so với sinh viên Y Khoa nói chung, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê.

KHUYẾN NGHỊ

Cần xây dựng các chương trình chăm sóc giáo dục sức khỏe phòng chống tác hại của rượu/bia vào các chương trình ngoại khóa cho sinh viên nhằm nâng cao hiểu biết hơn về các vấn đề sức khỏe.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ministry of Health - Department of Preventive Medicine, Questions and answers about prevention of harmful effects of alcohol, Hanoi, 2016.

[2] General Statistics Office: National Survey of Adolescents and Young People in Vietnam Round 2, 2010.

[3] Dat BQ, Thu TT, Actual situation of alcohol use by students in Ho Chi Minh City (5/2021).

[4] Shah AA, Bazargan-Hejazi S, Lindstrom RW et al., Prevalence of at-risk drinking among a national sample of medical students. Subst Abuse, 2009; 30(2): 141–149.

[5] Trostler M, Li Y, Plankey MW, Prevalence of binge drinking and associated co-factors among medical students in a U.S. Jesuit University. Am J Drug Alcohol Abuse, 2014; 40(4): 336–341.

[6] Master's Thesis in Public Health: Actual situation of alcohol use and some related factors among students of Hong Duc College of Medicine and Pharmacy, Ho Chi Minh City, 2020.

[7] Yoo HH, Cha SW, Lee SY, Patterns of Alcohol Consumption and Drinking Motives Among Korean Medical Students. Med Sci Monit Int Med J Exp Clin Res, 2020, 26, e921613.